TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/09/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Ông Nguyễn Duy Khương

Thư ký phiên toà: Ông Danh Lý Khang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa - Ông Nguyễn Thế Nam – *Kiểm sát viên*

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc: *" Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Thu Tiền,** sinh năm: 1997

Địa chỉ: khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Tiền có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Mến**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ 15, ấp Hòa An, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Mến vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thu Tiền trình bày:* Chị Huỳnh Thu Tiền và anh Nguyễn Văn Mến có chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Chị Tiền và anh Mến

có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Quý, sinh ngày: 12/9/2013, cả hai người không có tài sản chung hay nợ chung.

Qua thời gian chung sống, lúc đầu thì cuộc sống giữa chị Tiền và anh Mến rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên chị Tiền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thu Tiền xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Mến.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọn của con, chọn sống với chị Tiền thì chị Tiền sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Mến cấp dưỡng. Còn nếu con chọn sống với anh Mến thì chị Tiền không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 26/7/2024 của anh Nguyễn Văn Mến có trình bày nội dung như sau*: Tôi và bà Huỳnh Thu Tiền có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2015, vào khoảng năm 2019 bà Tiền đã bỏ nhà đi, tôi và bà Tiền có 01 cháu tên Nguyễn Minh Quý, sinh năm: 2013. Nay chị Tiền khởi kiện yêu cầu ly hôn, thì tôi đồng ý. Hiện tại cháu Quý đang chung sống với tôi, nếu cháu đồng ý sống với ai thì tôi đồng ý theo nguyện vọng của con và tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị Huỳnh Thu Tiền vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thu Tiền về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Mến

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Quý, sinh ngày: 12/9/2013 cho anh Nguyễn Văn Mến tiếp tục nuôi dưỡng (*theo nguyện vọng của con*), anh Mến không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Tiền và anh Mến xác định không có, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Tiền và anh Mến xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 14-5-2024 chị Huỳnh Thu Tiền có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Mến. Đây là vụ án "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Nguyễn Văn Mến có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 15, ấp Hòa An, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Mến là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - *Về quan hệ hôn nhân:*Chị Huỳnh Thu Tiền và anh Nguyễn Văn Mến có sự tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đóchung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Thời gian đầu vợ, chồng chị Tiền và anh Mến chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng thời gian sau này cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc.

Hơn nữa, tại bản tự khai đề ngày 26/7/2024 có nội dung sau: "*…nay bà Huỳnh Thu Tiền khởi kiện ly hôn thì tôi đồng ý…*". Do đó, có thể thấy bị đơn cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tiền và anh Mến đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đối chiếu theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Tiền và anh Mến ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] - *Về con chung:* Chị Tiền và anh Mến có 01 con chung tên là Nguyễn Minh Quý, sinh ngày: 12/9/2013 hiện nay đang sống với anh Mến, tại biên bản ghi nguyện vọng của con thì nguyện vọng của cháu Quý là muốn được chung sống cùng với cha, do đó HĐXX giao cháu Quý cho anh Mến nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] - *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thu Tiền đều trình bày chị và anh Mến không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa, anh Nguyễn Văn Mến không có văn bản nào trình bày ý kiến của mình, hay yêu cầu gì về việc hai người có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[5] - *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thu Tiền đều trình bày chị và anh Mến không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa, anh Nguyễn Văn Mến không có văn bản nào trình bày ý kiến của mình, hay yêu cầu gì về việc hai người có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[6] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tiền là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147,Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xư:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thu Tiền về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung " với bị đơn anh Nguyễn Văn Mến.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thu Tiền được ly hôn với anh Nguyễn Văn Mến.

2. Về con chung: Giao người con chung tên cháu Nguyễn Minh Quý, sinh ngày: 12/9/2013 cho anh Mến tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (*theo nguyện vọng của con*), anh Mến không yêu cầu chị Tiền cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Chị Tiền và anh Mến xác định không có, không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Tiền và anh Mến xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Tiền phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, nhưng chị Tiền được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005573, ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Tiền không phải nộp thêm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

N***ơi nhận***:
- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.